FireAnt

CTCP Thiết bị Bưu điện (HNX: POT)

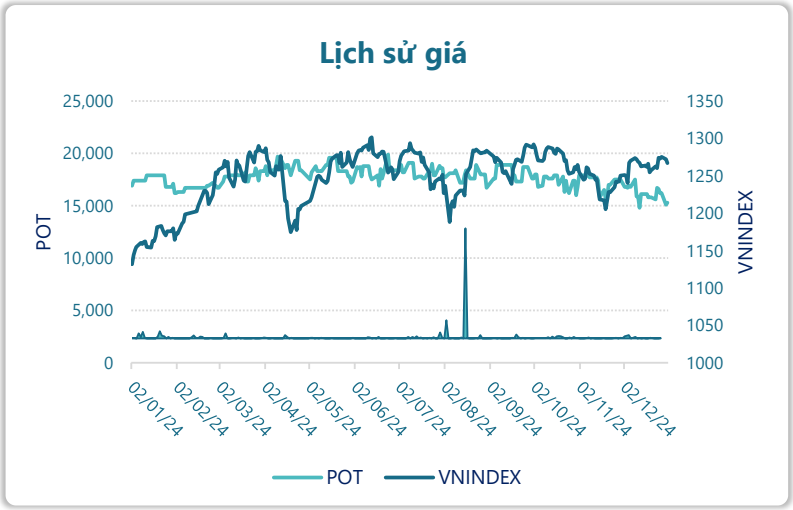

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,891
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,800
SL cổ phiếu LH	19,430,006
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,510
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	297
P/E	73.7
EPS	208

DT thuần

Q4/24

685

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 250| 57.4%

YoY: ▲ 122| 21.6%

LN sau thuế

Q4/24

3.10

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.47| 391%

YoY: ▲ 1.56| 101%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.9%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần

2024

1,618

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 460| 39.8%

LN sau thuế

2024

3.36

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.75| 28.5%

ROE

2024

1.1%

+/- YoY: ▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh

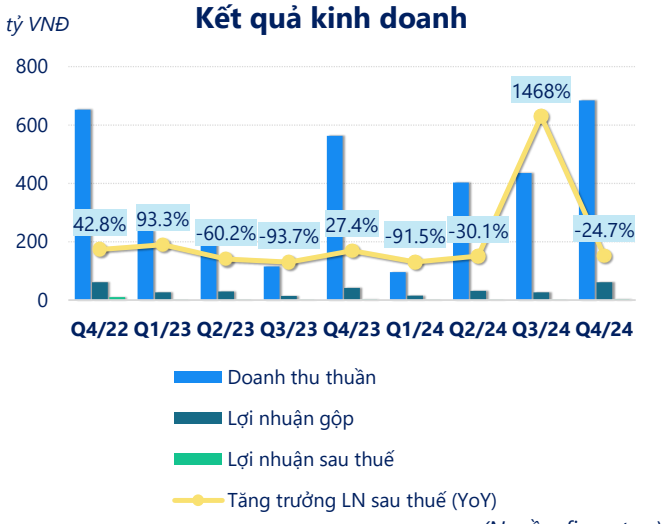

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

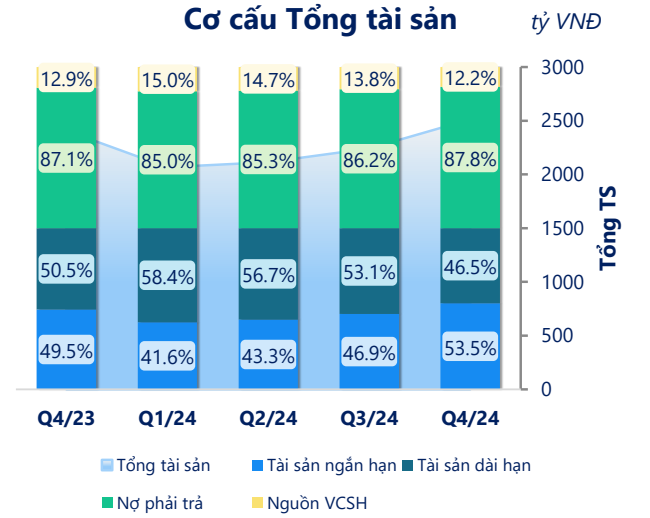

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

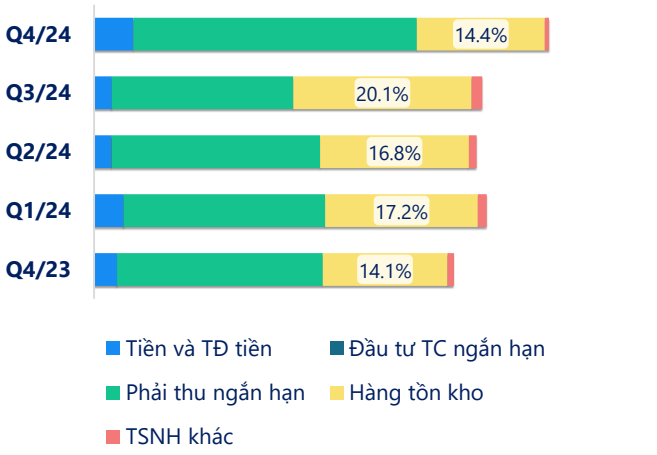

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

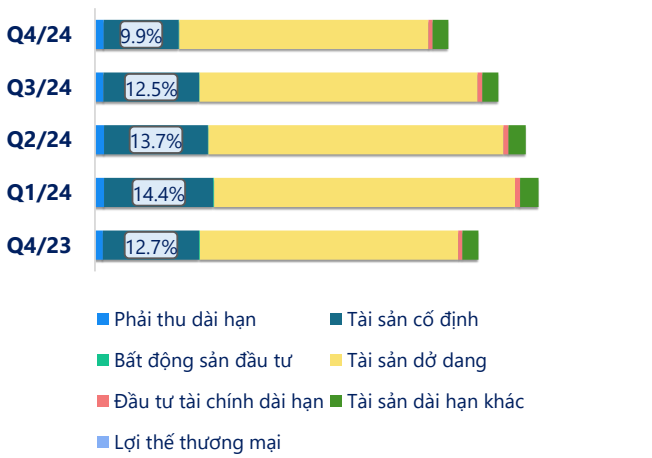

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

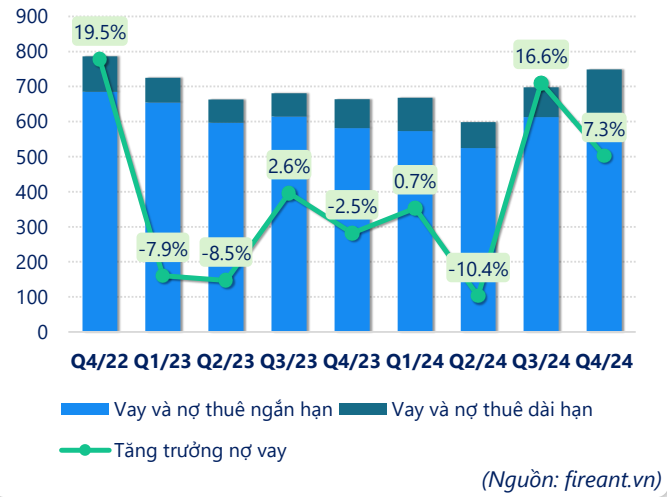

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

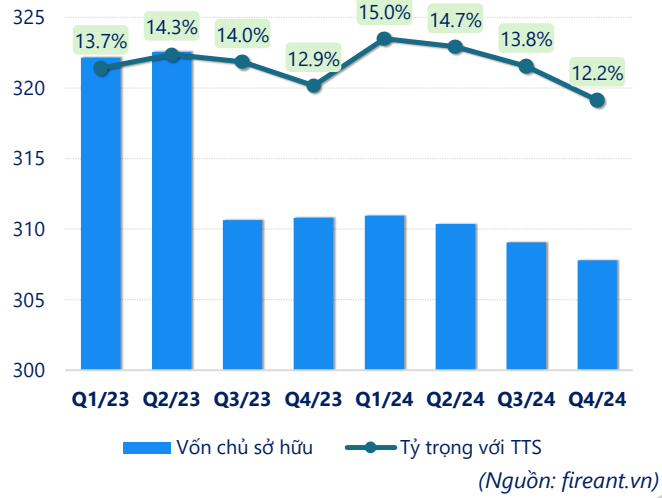

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

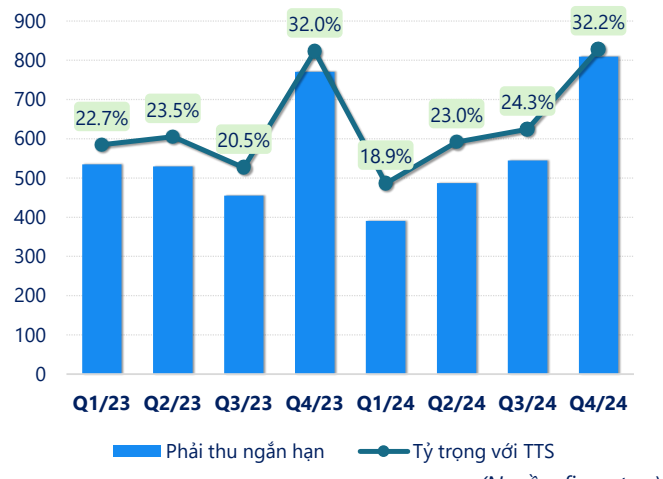

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

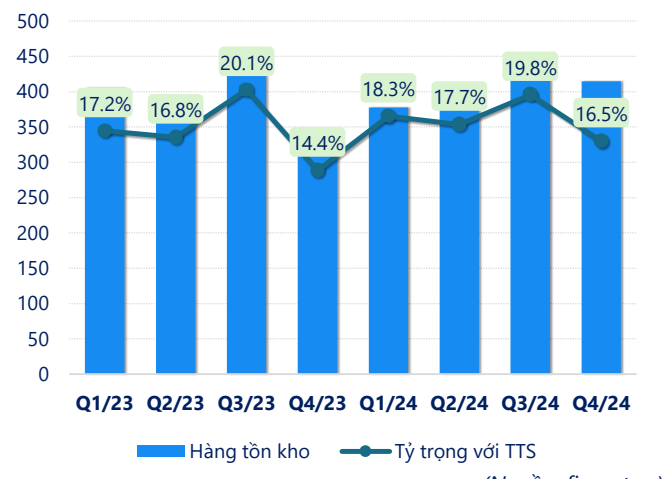

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

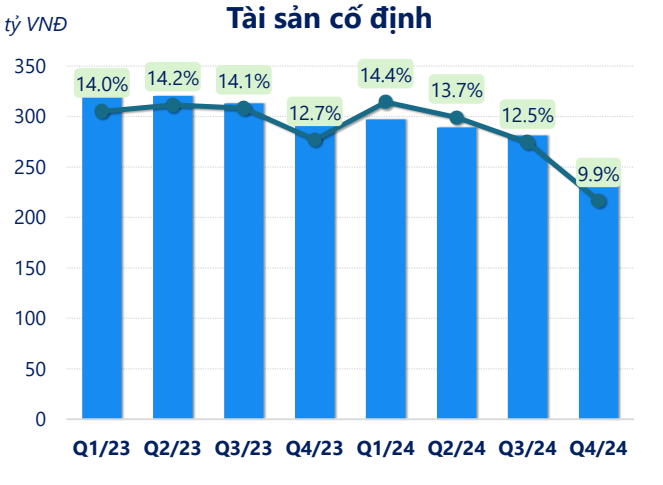

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

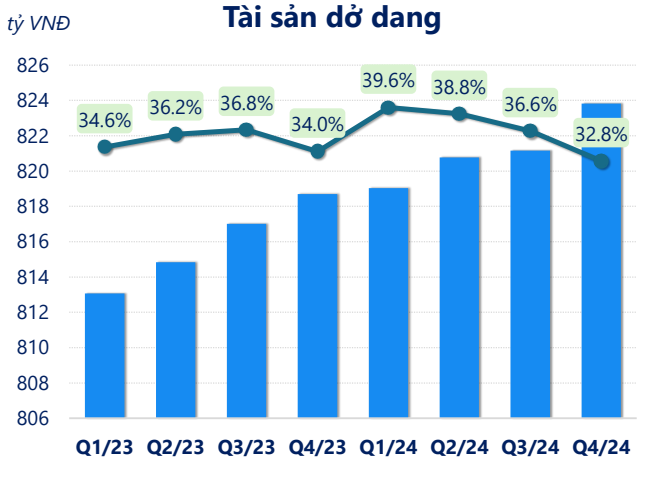

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

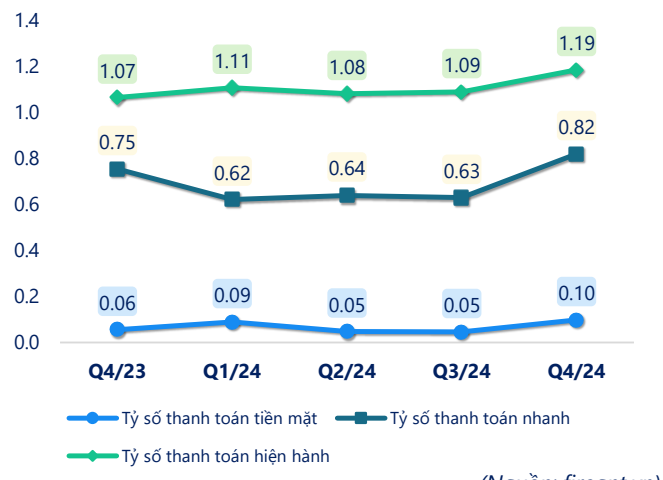

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

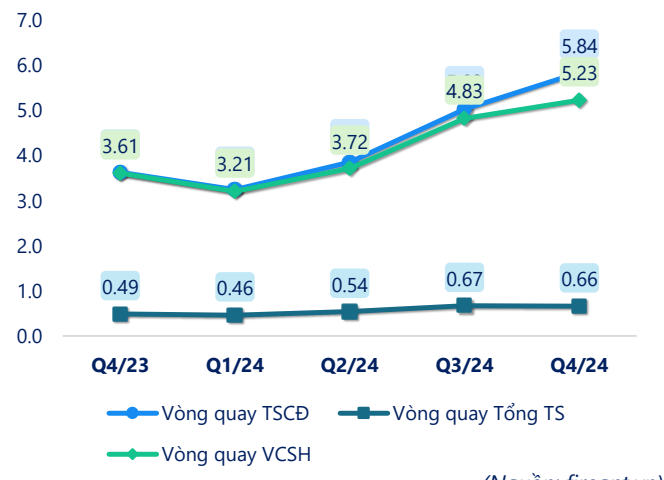

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**2,408**	**2,068**	**2,114**	**2,243**	**2,513**
Tài sản ngắn hạn	**1,192**	**861**	**916**	**1,052**	**1,344**
Tiền và tương đương tiền	62.4	69.3	40.9	44.5	111
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.07	5.12	5.14	0.07	0.07
Phải thu ngắn hạn	771	391	487	544	810
Hàng tồn kho	347	378	374	444	415
Tài sản ngắn hạn khác	11.5	17.6	9.25	19.1	8.49
Tài sản dài hạn	**1,216**	**1,207**	**1,199**	**1,191**	**1,169**
Phải thu dài hạn	25.2	25.2	25.3	25.4	28.8
Tài sản cố định	305	297	289	281	249
Bất động sản đầu tư	2.01	1.97	1.93	1.89	1.85
Tài sản dở dang	819	819	821	821	824
Đầu tư tài chính dài hạn	13.6	13.6	13.6	13.6	13.6
Tài sản dài hạn khác	51.3	50.4	48.0	47.6	51.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**2,097**	**1,757**	**1,804**	**1,934**	**2,205**
Nợ ngắn hạn	**1,119**	**777**	**847**	**966**	**1,134**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	581	573	525	613	569
Phải trả người bán ngắn hạn	464	132	270	301	502
Nợ dài hạn	978	980	957	968	1,071
Vay và nợ thuê dài hạn	82.2	95.2	74.0	85.2	181
Nguồn vốn chủ sở hữu	**311**	**311**	**310**	**309**	**308**
Vốn chủ sở hữu	**311**	**311**	**310**	**309**	**308**
Vốn điều lệ	194	194	194	194	194
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)